

THÔNG BÁO
Về việc tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-VNLNT ngày 13/4/2022 của Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam thông báo tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2025 với các chuyên ngành như sau:

- Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số 9 44 01 03);
- Vật lý nguyên tử và hạt nhân (mã số 9 44 01 06);
- Hoá vô cơ (mã số 9 44 01 13);
- Hoá phân tích (mã số 9 44 01 18).

A. Phương thức tuyển sinh và điều kiện dự tuyển

I. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Xét hồ sơ dự tuyển; người dự tuyển trình bày đề cương nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn.

II. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có văn bằng thạc sĩ chuyên ngành gần và phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ phải có bằng tốt nghiệp đại học từ loại giỏi trở lên, phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Nếu người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm giấy công nhận văn bằng đại học, thạc sĩ do Cục Quản lý chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp theo quy định hiện hành (website đăng ký xác minh văn bằng: <https://naric.edu.vn/>).



2. Có ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, kế hoạch (tiến độ) thực hiện luận án trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn khoa học (người hướng dẫn phải có văn bản đồng ý hướng dẫn khoa học cho người dự tuyển khi trúng tuyển và kèm theo lý lịch khoa học của người hướng dẫn).

4. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của người dự tuyển. Những người giới thiệu nói trên cần có ít nhất 6 tháng cùng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với người dự tuyển. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

5. Người hướng dẫn khoa học: Mỗi Ứng viên có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

6. Yêu cầu ngoại ngữ: Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ trong hoặc ngoài nước với ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

c) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển, gồm các chứng chỉ sau đây:

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
----	----------	---------------------------	---------------------

1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL/ <i>British Council</i>	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP)	Từ bậc 4 trở lên

Các cơ sở đào tạo Việt Nam được Bộ GDĐT công nhận cấp chứng chỉ VSTEP gồm:

TT	Tên đơn vị	TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	20	Học viện Khoa học Quân sự
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG- TP. HCM	21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

TT	Tên đơn vị	TT	Tên đơn vị
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	22	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Huế
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
5	Đại học Thái Nguyên	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
6	Trường Đại học Cần Thơ	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội	26	Trường Đại học Ngoại thương
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9	Trường Đại học Vinh	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	Trường Đại học Sài Gòn	29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	30	Trường Đại học Lạc Hồng
12	Trường Đại học Trà Vinh	31	Trường Đại học Đồng Tháp
13	Trường Đại học Văn Lang	32	Đại học Duy Tân
14	Trường Đại học Quy Nhơn	33	Trường Đại học Phenikaa
15	Trường Đại học Tây Nguyên	34	Học Viện Ngân hàng
16	Học viện An ninh Nhân dân	35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	36	Trường ĐH Thành Đô
18	Trường Đại học Công Thương TP.HCM	37	Trường Đại học Mở TP.HCM
19	Trường Đại học Thương mại	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người dự tuyển không thuộc diện trên cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

9. Có đủ điều kiện sức khỏe để thực hiện luận án.

10. Trong mỗi đợt tuyển sinh, người dự tuyển chỉ được đăng kí dự tuyển vào một chuyên ngành tại một cơ sở đào tạo.

III. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Chuyên ngành có đào tạo theo Đề án 89	Số lượng
1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		05
2	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	√	20
3	Hóa vô cơ		05
4	Hóa phân tích		05

IV. Thời gian đào tạo

- Đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ: thời gian đào tạo là 3 năm liên tục;
- Đối với người dự tuyển có bằng đại học: thời gian đào tạo là 4 năm liên tục.

B. Hồ sơ dự tuyển

Theo từng chương trình đăng kí dự tuyển (theo Đề án 89 hay không theo Đề án 89), hồ sơ dự tuyển gồm có các danh mục sau:

TT	Danh mục hồ sơ	Hồ sơ dự tuyển không theo Đề án 89	Hồ sơ dự tuyển theo Đề án 89
1	Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của Viện, kèm theo Thông báo tuyển sinh hàng năm);	√	√
2	Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học nếu vẫn bằng không ghi loại tốt nghiệp, hoặc bằng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ	√	√
3	Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ	√	√
4	Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú: 05 bản	√	√
5	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)	√	
6	Công văn cử đi dự tuyển của cơ sở cử đi học nghiên cứu sinh, nơi giảng viên đang làm việc hoặc nơi thỏa thuận tiếp nhận làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (nếu dự		√

	tuyển theo Đề án 89)		
7	Bản cam kết quay về làm việc tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sau khi tốt nghiệp; những người chưa phải là giảng viên phải có thỏa thuận ký với một cơ sở giáo dục đại học Việt Nam về việc tiếp nhận làm giảng viên của cơ sở đó sau khi tốt nghiệp (nếu dự tuyển theo Đề án 89)		√
8	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa	√	√
9	Bản sao các bài báo khoa học đã công bố (bao gồm trang bìa, trang mục lục và toàn văn công trình): 05 bản	√	√
10	Đề cương nghiên cứu (theo mẫu): 05 bản	√	√
11	Thư giới thiệu của các nhà khoa học (theo mẫu của Viện);	√	√
12	Lý lịch khoa học và thư đồng ý hướng dẫn của cán bộ khoa học đồng ý hướng dẫn luận án tiến sĩ cho người dự tuyển	√	√

C. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ TUYỂN SINH THEO ĐỀ ÁN 89:

Tuyển sinh nghiên cứu sinh theo Đề án 89 được thực hiện như phần A của thông báo này, ngoài ra còn tuân theo các quy định của Đề án 89, cụ thể như sau:

I. Đối tượng dự tuyển:

1. Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học trong nước có dự định đi học tiến sĩ trong năm 2026, hoặc hiện đang là nghiên cứu sinh năm thứ nhất hoặc năm thứ hai nhưng không thuộc đối tượng thụ hưởng của Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người có nguyện vọng trở thành giảng viên, có cam kết trở thành giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và được các cơ sở này cam kết đồng ý tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

II. Điều kiện dự tuyển:

1. Đáp ứng điều kiện dự tuyển như ở phần A của thông báo này.
2. Tuổi dưới 40 tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Có cam kết quay về làm việc tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sau khi tốt nghiệp; những người chưa phải là giảng viên phải có thỏa thuận ký với một cơ sở giáo dục đại học Việt Nam về việc tiếp nhận làm giảng viên của cơ sở đó sau khi tốt nghiệp.
4. Có công văn cử đi dự tuyển của cơ sở cử đi học nghiên cứu sinh, nơi giảng viên đang làm việc hoặc nơi thỏa thuận tiếp nhận làm giảng viên sau khi tốt nghiệp.

III. Thời gian và hình thức đào tạo:

Nghiên cứu sinh được đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam, trong đó có thời gian đi dự hội thảo hoặc thực tập tại nước ngoài.

1. Thời gian đào tạo: theo yêu cầu của chương trình đào tạo nhưng không qua 04 năm, trong đó có tối đa không quá 06 tháng đi thực tập, hội thảo ở nước ngoài.

2. Hình thức đào tạo: tập trung (nghiên cứu sinh dành toàn bộ thời gian học tập và nghiên cứu của khóa học tại cơ sở đào tạo, không kể thời gian đi thực tập tại nước ngoài).

IV. Trách nhiệm và Quyền lợi của nghiên cứu sinh trúng tuyển:

1. Trách nhiệm:

a) Dành toàn bộ thời gian để hoàn thành việc học tập, nghiên cứu khi đã được công nhận trúng tuyển và tham gia đầy đủ khóa học theo chương trình đào tạo đã đăng ký;

b) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo, của quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

c) Thực hiện đúng cam kết đã ký với cơ sở cử nghiên cứu sinh đi học;

d) Nghiên cứu sinh đào tạo trong nước đang trong thời gian thực tập ở nước ngoài: phải tuân thủ các quy định hiện hành đối với lưu học sinh trong Quy chế quản lý công dân Việt Nam đang được đào tạo ở nước ngoài; khi kết thúc thời gian

đào tạo ở nước ngoài có báo cáo về tình hình, kết quả học tập và nghiên cứu với cơ sở đào tạo và cơ sở cử đi học nghiên cứu sinh;

e) Có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành trong các trường hợp sau: tự ý bỏ học; không hoàn thành chương trình đào tạo và không được cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không quay trở lại làm việc tại cơ sở cử đi (hoặc tại cơ sở có ký thỏa thuận cam kết tiếp nhận giảng viên) hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

2. Quyền lợi:

a) Được cấp học bổng và chi phí đào tạo trong thời gian đào tạo;

b) Được cơ sở cử đi đào tạo tạo điều kiện, bố trí thời gian để thực hiện chương trình đào tạo theo quy định;

c) Được cơ sở cử đi đào tạo tiếp nhận trở lại làm việc hoặc tuyển dụng làm giảng viên sau tốt nghiệp theo đúng chuyên môn được đào tạo;

d) Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học công lập được hưởng các quyền lợi khác và tuân thủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hiện hành; giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập được hưởng các quyền lợi và tuân thủ những quy định khác (nếu có) theo thỏa thuận giữa người được cử đi đào tạo và cơ sở cử đi.

V. Học bổng và chi phí đào tạo:

1. Người học được hỗ trợ học bổng và học phí, hỗ trợ chi phí đi dự hội thảo hoặc thực tập ở nước ngoài.

2. Học bổng và chi phí đào tạo hỗ trợ người học được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương với định mức chi theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính cấp cho người được cử đi đào tạo trong thời gian đào tạo nhưng không quá 04 năm, trong đó kinh phí thực tập, nghiên cứu và tham gia hội thảo ở nước ngoài tối đa không quá 06 tháng.

D. Kế hoạch thực hiện

1. Nhận hồ sơ dự tuyển từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/6/2026.

2. Lệ phí nộp hồ sơ và xét tuyển:

- Lệ phí nộp hồ sơ: 200.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí đóng theo thông tin số tài khoản (*nội dung chuyển tiền ghi rõ như sau: họ và tên ứng viên, đóng lệ phí xét tuyển NCS đợt 1 năm 2026*):

- Tên đơn vị hưởng thụ: Trung tâm Đào tạo hạt nhân,
- Số tài khoản: 0711000231284 ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thanh Xuân.

3. Dự kiến ngày xét tuyển: Từ ngày 20/6/2026 đến ngày 15/7/2025.

4. Thời gian công bố trúng tuyển: 29/8/2026.

5. Thời gian nhập học: 05/9/2026.

6. Nơi nhận hồ sơ:

Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Triển khai – Trung tâm Đào tạo hạt nhân
Số 140 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội.

Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ:

*Ông Trịnh Anh Đức, bà Nguyễn Thúy Hằng - Trung tâm Đào tạo hạt nhân,
Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.*

140 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội;

Điện thoại: (04) 35690080 (102) ;

Fax: (04) 35690081 ;

E-mail: tringhanhduc@yahoo.com; nguyenthuyhang0811@gmail.com.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc Viện;
- Các Sở, Viện Nghiên cứu, Học viện,
Trường Đại học, Cao đẳng ...;
- Lưu: VT, NTC.



Trần Chí Thành